

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
MASAN
MASAN GROUP CORPORATION**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số: 31./2022

No. 31./2022

TP. HCM, ngày 27 tháng 01 năm 2022
Ho Chi Minh City, 27 January 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
ORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam / Sở Giao dịch
Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
To: State Securities Commission of Vietnam
Vietnam Exchange/ Hochiminh Stock Exchange

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan / *Masan Group Corporation*

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ *Stock code/ Broker code*: MSN

- Địa chỉ/*Address*: Lầu 8, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM / *8th Floor, Central Plaza, 17 Le Duan, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City*

- Điện thoại liên hệ/*Tel.*: 28 6256 3862

Fax: 28 3827 4115

2. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính quý (riêng và hợp nhất) cho kỳ kết thúc ngày 31/12/2021.

Contents of disclosure: Quarterly financial statements (standalone and consolidated basis) for the period ended on 31 December 2021.

(Đối với trường hợp đính chính hoặc thay thế thông tin đã công bố cần giải trình rõ nguyên nhân đính chính hoặc thay thế)/*In case of correction or replacement of previously disclosed information, explanation is needed*)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 27/01/2022 tại đường dẫn https://masangroup.com/msnew/investor-center/?lang_ui=vn.

This information was disclosed in the folder Corporate Announcements of section Investor Center on the Company's website on 27/01/2022 at https://masangroup.com/msnew/investor-center/?lang_ui=en

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*



Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố như nêu tại mục 2/Documents related to disclosed information at mentioned in paragraph 2.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
ORGANIZATION REPRESENTATIVE
Người được ủy quyền công bố thông tin
Authorized representative for information disclosure
LUẬT SƯ TRƯỞNG / GENERAL COUNSEL



Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Báo cáo tài chính quý riêng
cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0303576603

ngày 18 tháng 11 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 17 tháng 6 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Dr Nguyễn Đăng Quang
Bà Nguyễn Hoàng Yên
Ông Nguyễn Thiệu Nam
Ông Woncheol Park
Ông Nguyễn Đoan Hùng
Ông David Tan Wei Ming
Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên (từ ngày 1/4/2021)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Danny Le
Ông Nguyễn Thiệu Nam
Ông Michael Hung Nguyen

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Đại diện pháp lý

Dr Nguyễn Đăng Quang
Ông Danny Le

Chủ tịch
Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza
17 Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		8.070.249.247.486	1.152.314.600.394
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	4.934.770.809.881	202.737.784.651
Tiền	111		4.934.770.809.881	52.737.784.651
Các khoản tương đương tiền	112		-	150.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	44.727.841.148	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		44.727.841.148	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	8	3.083.050.602.444	939.075.118.365
Trả trước cho người bán	132		5.188.956.552	1.114.928.526
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		2.764.488.000.000	685.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136		313.373.645.892	252.960.189.839
Tài sản ngắn hạn khác	150		7.699.994.013	10.501.697.378
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		240.363.646	2.644.051.268
Thuế phải thu Nhà nước	153		7.459.630.367	7.857.646.110
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		43.124.356.190.970	54.073.288.226.947
Các khoản phải thu dài hạn	210	8	4.828.186.052	4.828.186.052
Phải thu dài hạn khác	216		4.828.186.052	4.828.186.052
Tài sản cố định	220		13.485.779.544	13.169.721.743
Tài sản cố định hữu hình	221	9	13.485.779.544	13.169.721.743
Nguyên giá	222		49.749.135.368	44.641.557.642
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36.263.355.824)	(31.471.835.899)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		4.697.122.903	4.697.122.903
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.697.122.903)	(4.697.122.903)
Đầu tư tài chính dài hạn	250		42.995.073.255.063	53.883.603.547.735
Đầu tư vào công ty con	251	7(a)	24.046.070.182.463	25.812.570.202.463
Đầu tư vào công ty liên kết	252	7(b)	4.378.837.077.636	4.378.837.077.636
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7(c)	14.570.165.994.964	23.692.196.267.636
Tài sản dài hạn khác	260		110.968.970.311	171.686.771.417
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	110.968.970.311	171.686.771.417
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		51.194.605.438.456	55.225.602.827.341

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		27.618.321.400.305	32.017.068.319.812
Nợ ngắn hạn	310		5.552.547.530.197	6.457.489.575.236
Phải trả người bán	311		41.659.055.292	12.101.257.769
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313		50.627.569.721	1.491.102.504
Phải trả nhân viên	314		62.999.858	27.923.958
Chi phí phải trả	315	11	681.849.867.065	758.900.922.043
Phải trả ngắn hạn khác	319	12	298.038.261	2.301.488.916.907
Vay ngắn hạn	320	13	4.778.050.000.000	3.383.479.452.055
Nợ dài hạn	330		22.065.773.870.108	25.559.578.744.576
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	116.647.503.186
Vay dài hạn	338	13	22.065.773.870.108	25.442.931.241.390
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		23.576.284.038.151	23.208.534.507.529
Vốn chủ sở hữu	410	14	23.576.284.038.151	23.208.534.507.529
Vốn cổ phần	411	14	11.805.346.920.000	11.746.832.460.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	15	11.084.246.541.079	11.084.296.541.079
Vốn khác của chủ sở hữu	414		(1.695.338.182.568)	(1.695.338.182.568)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.382.028.759.640	2.072.743.689.018
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		656.102.058.618	3.395.529.005.610
- Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		1.725.926.701.022	(1.322.785.316.592)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		51.194.605.438.456	55.225.602.827.341

Ngày 27 tháng 1 năm 2022

Người lập:


Nguyễn Huy Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Đỗ Thị Quỳnh Trang
Giám đốc Tài chính


Danny Le
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

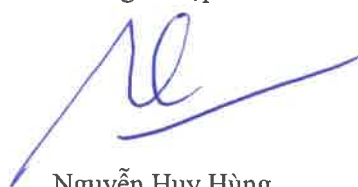
Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/10/2021 đến 31/12/2021 VND	Từ 1/10/2020 đến 31/12/2020 VND	Từ 1/1/2021 đến 31/12/2021 VND	Từ 1/1/2020 đến 31/12/2020 VND
Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	5.142.188.114.402	9.483.678.954	5.271.261.693.608	463.728.321.981
Chi phí hoạt động tài chính	22	18	877.451.053.381	634.686.053.221	2.933.473.829.813	1.560.433.586.679
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		576.738.591.752	585.853.024.522	2.427.396.695.049	1.450.677.577.025
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		57.501.461.920	62.002.346.470	290.861.162.773	226.080.051.894
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 21 – 22 – 26)	30		4.207.235.599.101	(687.204.720.737)	2.046.926.701.022	(1.322.785.316.592)
Chi phí khác	32		-	-	65.000.000.000	-
Kết quả của các hoạt động khác (40 = 32)			-	-	(65.000.000.000)	-
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4.207.235.599.101	(687.204.720.737)	1.981.926.701.022	(1.322.785.316.592)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		256.000.000.000	-	256.000.000.000	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		3.951.235.599.101	(687.204.720.737)	1.725.926.701.022	(1.322.785.316.592)

Ngày 27 tháng 1 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Huy Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đỗ Thị Quỳnh Trang
Giám đốc Tài chính



Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2021 đến 31/12/2021 VND	Từ 1/1/2020 đến 31/12/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	01		1.981.926.701.022	(1.322.785.316.592)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		4.791.519.925	3.838.342.885
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		(49.999.903.881)	5.999.943.066
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05		(1.308.114.779.648)	(463.728.265.047)
Chi phí lãi vay và chi phí tài chính khác	06		2.715.493.025.747	1.554.303.020.429
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		3.344.096.563.165	(222.372.275.259)
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		(280.803.331.826)	251.923.811.579
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		203.778.596.184	(39.331.960.469)
Biến động chi phí trả trước	12		(1.449.844.561)	(750.347.243)
Biến động đầu tư chứng khoán	13		-	1.571.530.000.000
			3.265.621.982.962	1.560.999.228.608
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.883.964.662.639)	(1.344.749.033.198)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(205.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		176.657.320.323	216.250.195.410
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(9.609.197.926)	(7.479.667.333)
Tiền chi cho khoản cho vay, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và đầu tư khác	23		(5.291.893.841.148)	(18.466.002.250.000)
Tiền thu hồi khoản cho vay, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và đầu tư khác	24		3.167.678.000.000	19.931.658.250.000
Tiền chi đầu tư công ty con và đơn vị khác	25		(4.090.232.103.500)	(31.436.575.267.636)
Tiền thu từ thanh lý đầu tư vào công ty con và đơn vị khác	26		12.633.037.048.692	1.579.935.876.240
Tiền thu từ tiền lãi	27		1.574.657.595.075	2.275.240.067.903
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		7.983.637.501.193	(26.123.222.990.826)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2021 đến 31/12/2021 VND	Từ 1/1/2020 đến 31/12/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		58.514.460.000	57.307.990.000
Tiền thu từ đi vay và phát hành trái phiếu	33		13.517.822.149.288	31.997.986.541.130
Tiền trả nợ gốc vay và trái phiếu	34		(15.586.884.717.815)	(5.248.273.972.603)
Tiền chi trả cổ tức	36		(1.417.713.591.640)	(1.173.604.376.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(3.428.261.700.167)	25.633.416.181.927
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		4.732.033.121.349	(273.556.613.489)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		202.737.784.651	476.294.341.206
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(96.119)	56.934
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	4.934.770.809.881	202.737.784.651

Ngày 27 tháng 1 năm 2022

Người lập:


 Nguyễn Huy Hùng
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Đỗ Thị Quỳnh Trang
 Giám đốc Tài chính



Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý đầu tư.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính quý.

Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ mười hai tháng kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng quý này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quý của Tập đoàn cho kỳ mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính quý riêng được lập cho kỳ mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm kết thúc cùng ngày.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng quý này. Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng quý này nhất quán với những chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các trái phiếu được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi thu nhập lãi liên quan đến giai đoạn trước khi mua chứng khoán kinh doanh và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản phải thu từ cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và công ty khác

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và công ty khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Tổng Giám đốc của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại, chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nâng cấp tài sản thuê 5 năm
- thiết bị văn phòng 3 – 5 năm
- phương tiện vận chuyển 6 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm máy vi tính này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 5 năm.

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí nâng cấp tài sản thuê cho văn phòng mới chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình nâng cấp.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 3 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Chi phí đi vay trả trước

Chi phí đi vay trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian vay.

(i) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được phân ánh theo nguyên giá.

(j) Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(k) Vốn chủ sở hữu

(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch tăng do giá phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Vốn khác của chủ sở hữu

Các thỏa thuận phát hành một số lượng cổ phiếu nhất định vào một ngày ấn định trong tương lai, được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý tại ngày của các thỏa thuận và được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu nếu không tồn tại các thỏa thuận thay thế nào khác.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập cổ tức, thu nhập lãi tiền gửi, lãi trái phiếu, lãi cho vay, lãi từ thanh lý các khoản đầu tư và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(n) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay từ các khoản vay và trái phiếu, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái, chi phí đi vay được phân bổ và lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(o) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(p) Kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên được phát hành theo mệnh giá.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

4. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng quý này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu nào trong ước tính kế toán so với các ước tính được thực hiện khi lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính quý riêng của kỳ trước.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Tiền mặt	64.826.703	64.826.703
Tiền gửi ngân hàng	4.934.705.983.178	52.672.957.948
Các khoản tương đương tiền	-	150.000.000.000
	4.934.770.809.881	202.737.784.651

Các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch.

6. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	44.727.841.148	-
	44.727.841.148	-

7. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
Đầu tư vào công ty con (a)	24.046.070.182.463	25.812.570.202.463
Đầu tư vào công ty liên kết (b)	4.378.837.077.636	4.378.837.077.636
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (c)	14.570.165.994.964	23.692.196.267.636
	42.995.073.255.063	53.883.603.547.735

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động trong kỳ của các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

	MH VND	MML VND	SHERPA VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	18.737.200.000.000	2.030.991.202.463	5.044.379.000.000	25.812.570.202.463
Tăng trong kỳ	-	-	1.683.500.000.000	1.683.500.000.000
Giảm trong kỳ	(3.450.000.020.000)	-	-	(3.450.000.020.000)
Số dư cuối kỳ	15.287.199.980.000	2.030.991.202.463	6.727.879.000.000	24.046.070.182.463

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết các khoản đầu tư của Công ty vào công ty liên kết như sau:

	31/12/2021				1/1/2021				
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam ("Techcombank")	14,9%	14,9%	4.378.837.077.636	-	26.215.774.950.000	15,0%	4.378.837.077.636	-	16.515.938.218.500

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Techcombank được xác định bằng cách tham chiếu giá niêm yết tại các ngày tương ứng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Công ty như sau:

	31/12/2021			1/1/2021						
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần The CrownX (“CrownX”)	9.02%	9.02%	14.570.165.994.964	-	(*)	14,8%	14,8%	23.692.196.267.636	-	(*)

Biến động trong kỳ của khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	CrownX VND
Số dư đầu kỳ	23.692.196.267.636
Tăng trong kỳ	106.732.103.500
Giảm trong kỳ	(9.228.762.376.172)
Số dư cuối kỳ	14.570.165.994.964

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính quý riêng bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

8. Phải thu – ngắn hạn và dài hạn

Phải thu về cho vay ngắn hạn:

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Phải thu từ các bên liên quan	311.676.000.000	685.000.000.000
Phải thu từ các bên khác	2.452.812.000.000	-
	2.764.488.000.000	685.000.000.000

Phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Khoản phải thu từ các bên liên quan	9.808.796.824	250.116.125.839
Ký quỹ ngắn hạn	29.500.000	29.500.000
Phải thu về thanh lý trái phiếu chuyển đổi	283.750.000.000	-
Phải thu khác	19.785.349.068	2.814.564.000
	313.373.645.892	252.960.189.839

Phải thu dài hạn khác bao gồm:

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Ký quỹ dài hạn	4.828.186.052	4.828.186.052

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nâng cấp tài sản thuê VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	33.536.834.202	9.482.695.440	1.622.028.000	44.641.557.642
Tăng trong kỳ	1.077.577.726	-	4.030.000.000	5.107.577.726
Số dư cuối kỳ	34.614.411.928	9.482.695.440	5.652.028.000	49.749.135.368
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	23.930.764.093	7.293.261.973	247.809.833	31.471.835.899
Khấu hao trong kỳ	3.076.884.978	772.630.281	942.004.666	4.791.519.925
Số dư cuối kỳ	27.007.649.071	8.065.892.254	1.189.814.499	36.263.355.824
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	9.606.070.109	2.189.433.467	1.374.218.167	13.169.721.743
Số dư cuối kỳ	7.606.762.857	1.416.803.186	4.462.213.501	13.485.779.544

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí đi vay trả trước VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	459.081.655	171.227.689.762	171.686.771.417
Tăng trong kỳ	5.937.354.874	7.647.194.581	13.584.549.455
Xóa sổ	-	(10.302.132.305)	(10.302.132.305)
Chuyển từ chi phí trả trước ngắn hạn	304.549.108	-	304.549.108
Phân bổ trong kỳ	(2.388.371.799)	(61.916.395.565)	(64.304.767.364)
	4.312.613.838	106.656.356.473	110.968.970.311

11. Chi phí phải trả

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Lãi vay phải trả	463.966.158.816	716.837.371.001
Phí tư vấn	172.230.058.787	2.524.940.000
Khác	45.653.649.462	39.538.611.042
	681.849.867.065	758.900.922.043

12. Phải trả khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải trả cho mua cổ phần CrownX	-	2.300.000.000.000
Cổ tức phải trả	18.038.160	1.089.999.400
Khác	280.000.101	398.917.507
	298.038.261	2.301.488.916.907

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Vay và trái phiếu

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Vay ngắn hạn đáo hạn trong vòng 12 tháng	3.048.650.000.000	3.383.479.452.055
Vay dài hạn và trái phiếu đến hạn trả	1.729.400.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	4.778.050.000.000	3.383.479.452.055
	<hr/>	<hr/>
Vay và trái phiếu dài hạn		
Vay và trái phiếu dài hạn	22.065.773.870.108	25.442.931.241.390
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	11.689.464.470.000	11.084.356.541.079	(1.695.338.182.568)	4.570.212.251.610	25.648.695.080.121
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(1.322.785.316.592)	(1.322.785.316.592)
Phát hành cổ phiếu mới	57.367.990.000	(60.000.000)	-	-	57.307.990.000
Chia cổ tức	-	-	-	(1.174.683.246.000)	(1.174.683.246.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	11.746.832.460.000	11.084.296.541.079	(1.695.338.182.568)	2.072.743.689.018	23.208.534.507.529
Phát hành cổ phiếu mới	58.514.460.000	(50.000.000)	-	-	58.464.460.000
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	1.725.926.701.022	1.725.926.701.022
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(1.416.641.630.400)	(1.416.641.630.400)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	11.805.346.920.000	11.084.246.541.079	(1.695.338.182.568)	2.382.028.759.640	23.576.284.038.151

(*) Vào ngày 16 tháng 7 năm 2021 và ngày 24 tháng 12 năm 2021, Công ty đã thực hiện trả cổ tức 2021 bằng tiền với số tiền tương ứng là 1.122 tỷ đồng và 295 tỷ đồng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Vốn cổ phần và thặng dư vốn

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt				
	1.180.534.692	11.805.346.920.000	1.174.683.246	11.746.832.460.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.180.534.692	11.805.346.920.000	1.174.683.246	11.746.832.460.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	11.084.246.541.079	-	11.084.296.541.079

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Trong năm 2018, Công ty đã ký một thỏa thuận cấp cho SK Investment Vina I Pte. Ltd. (“SK”), một cổ đông, một quyền chọn bán. Trong trường hợp Công ty và SK không thực hiện được việc tạo ra giá trị và sự cộng hưởng từ mối quan hệ đối tác hoặc không đồng ý với các định hướng chiến lược của Công ty, SK có một quyền chọn không thể hủy ngang để yêu cầu Công ty hoặc người được chỉ định bởi Công ty mua lại toàn bộ 109.899.932 cổ phiếu của Công ty đã phát hành vào ngày 2 tháng 10 năm 2018 (“Ngày Hoàn Tất”) với giá mỗi cổ phiếu là 100.000 VND, giá này sẽ được điều chỉnh cho các khoản cổ tức và phân phối bằng cổ phiếu mà Công ty đã trả cũng như các sự kiện gộp hay chia tách cổ phiếu và các sự kiện tương tự. Quyền chọn này sẽ được thực hiện sau năm thứ 5 kể từ Ngày Hoàn Tất và trong năm thứ 6 kể từ Ngày Hoàn Tất. Quyền chọn này chỉ có thể được thực hiện một lần đối với toàn bộ số cổ phiếu trên và sẽ vô hiệu nếu SK bán bất kỳ cổ phiếu nào trong số đó.

Biến động vốn cổ phần đã phát hành trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2021 đến 31/12/2021		Từ 1/1/2020 đến 31/12/2020	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	1.174.683.246	11.746.832.460.000	1.168.946.447	11.689.464.470.000
Phát hành cổ phiếu mới theo mệnh giá bằng tiền	5.851.446	58.514.460.000	5.736.799	57.367.990.000
Số dư cuối kỳ	1.180.534.692	11.805.346.920.000	1.174.683.246	11.746.832.460.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***16. Kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần**

Công ty có kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho người lao động (ESOP) dựa trên đánh giá thành tích của nhân viên. Việc phát hành cổ phiếu trong tương lai theo kế hoạch này phải được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội Cổ đông Thường niên.

Vào tháng 6 năm 2021, Công ty đã phát hành 5.851.446 cổ phiếu cho nhân viên theo mệnh giá bằng tiền.

17. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/1/2021 đến 31/12/2021 VND	Từ 1/1/2020 đến 31/12/2020 VND
Thu nhập lãi từ tiền gửi và đầu tư trái phiếu	55.068.404.588	437.142.717.217
Thu nhập lãi từ các khoản cho các công ty con vay	18.765.833.372	25.730.753.310
Thu nhập lãi từ các khoản cho các bên khác vay	19.489.861.068	854.794.520
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	50.000.000.000	56.934
Thu nhập cổ tức	1.260.516.028.100	-
Lãi từ thanh lý trái phiếu chuyển đổi	3.867.421.566.480	-
	5.271.261.693.608	463.728.321.981

18. Chi phí tài chính

	Từ 1/1/2021 đến 31/12/2021 VND	Từ 1/1/2020 đến 31/12/2020 VND
Chi phí lãi vay và trái phiếu phát hành	2.427.396.695.049	1.450.677.577.025
Chi phí phát hành và bán trái phiếu và chi phí đi vay	454.770.887.485	103.625.443.404
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	96.119	6.000.000.000
Chi phí tài chính khác	51.306.151.160	130.566.250
	2.933.473.829.813	1.560.433.586.679

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***19. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Cùng với số dư của bên liên quan và các giao dịch trình bày trong thuyết minh khác trong báo cáo tài chính riêng này. Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ 1/1/2021 đến 31/12/2021 VND	Từ 1/1/2020 đến 31/12/2020 VND
Công ty con sở hữu trực tiếp			
Công ty TNHH The Sherpa	Góp vốn	1.683.500.000.000	5.044.379.000.000
	Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu CrownX	4.320.097.521.760	-
	Thanh lý khoản đầu tư VCM	-	12.841.200.000.000
	Cho vay	1.609.188.000.000	3.685.000.000.000
	Thu hồi khoản cho vay	2.294.188.000.000	3.000.000.000.000
	Thu nhập lãi cho vay	7.766.077.644	4.513.493.150
	Khoản vay nhận được	4.986.755.265.760	-
	Trả gốc vay	4.986.755.265.760	-
	Chi phí lãi vay	21.859.749.110	-
Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan (trước đây là Công ty TNHH Tầm Nhìn Masan)	Góp vốn	-	5.000.000.000.000
	Thu hồi khoản vốn góp	3.450.000.000.000	-
	Cho vay	-	300.002.250.000
	Thu hồi khoản cho vay	-	450.658.250.000
	Nhận khoản vay	1.561.066.883.528	3.402.233.116.472
	Trả gốc vay	4.309.400.000.000	268.000.000.000
	Thu nhập lãi cho vay	-	5.430.690.297
Chi phí lãi vay	198.244.808.665	116.647.503.186	
Công ty Cổ phần Masan MEATLife	Nhận gốc vay	3.800.000.000.000	150.000.000.000
	Chi phí lãi vay	27.852.410.959	2.323.972.603
	Trả gốc vay	1.287.250.000.000	-
	Mua trái phiếu	3.756.912.000.000	-
	Nhận cổ tức	1.260.516.028.100	-
Công ty con sở hữu gián tiếp			
Công ty Cổ phần The CrownX	Thanh lý khoản đầu tư MCH	-	516.600.000.000
	Thu nhập từ bán lại cổ phiếu CrownX	4.862.939.506.932	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021****(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ 1/1/2021	Từ 1/1/2020
		đến 31/12/2021	đến 31/12/2020
		VND	VND
Công ty TNHH MasanConsumerHoldings	Cho vay	-	3.000.000.000.000
	Thu hồi khoản cho vay	-	3.000.000.000.000
	Thu nhập lãi cho vay	-	534.246.575
Công ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Masan	Chia sẻ chi phí IT	2.430.085.109	3.367.621.978
	Mua hàng	84.243.994	9.538.275.823
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Trả gốc vay	1.143.479.452.055	1.780.273.972.603
	Nhận khoản vay	-	1.923.753.424.658
	Chi phí lãi vay	4.270.116.650	45.822.250.326
	Cho vay	241.676.000.000	400.000.000.000
	Thu hồi khoản cho vay	60.000.000.000	400.000.000.000
	Thu nhập lãi cho vay	9.850.057.098	2.246.575.342
Công ty TNHH Vonfram Masan	Cho vay	-	1.781.000.000.000
	Thu hồi khoản cho vay	-	1.781.000.000.000
	Thu nhập lãi cho vay	-	11.526.953.425
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce (trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce) (“WinCommerce”)	Cho vay	700.000.000.000	-
	Thu hồi khoản cho vay	700.000.000.000	-
	Nhận khoản vay	720.000.000.000	3.700.000.000.000
	Trả gốc vay	1.220.000.000.000	3.200.000.000.000
	Thu nhập lãi cho vay	1.121.917.808	-
	Chi phí lãi vay	2.940.273.973	163.199.726.028
Công ty TNHH MEATDeli HN (trước đây là Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam) (“MNS Meat Hà Nam”)	Cho vay	-	1.000.000.000.000
	Thu hồi khoản cho vay	-	1.000.000.000.000
	Thu nhập lãi cho vay	-	1.478.794.521
Công Ty Cổ phần Mobicast	Cho vay	130.000.000.000	-
	Thu nhập lãi cho vay	27.780.822	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ 1/1/2021 đến 31/12/2021 VND	Từ 1/1/2020 đến 31/12/2020 VND
<i>Bên liên quan khác</i>			
Techcombank và các công ty con	Trái phiếu phát hành (Đại lý phát hành)	1.400.000.000.000	16.600.000.000.000
	Chi phí phát hành trái phiếu	69.928.000.000	516.536.000.000
	Mua chứng khoán kinh doanh	1.507.775.000.000	-
	Bán chứng khoán kinh doanh	1.507.775.000.000	1.250.000.000.000
	Ban quản lý chủ chốt	Thù lao cho Ban quản lý chủ chốt	25.262.988.981

20. Sự kiện sau kỳ báo cáo

Trong tháng 1 năm 2022, Công ty đã mua 2.418.699 cổ phần của CrownX từ nhà đầu tư khác.

21. Giải trình biến động lợi nhuận thuần

(i) Giữa Quý 4/2021 với Quý 4/2020:

Lãi sau thuế của Công ty trong Quý 4/2021 là 3.951 tỷ đồng so với lỗ sau thuế là 687 tỷ đồng của Quý 4/2020, chủ yếu do lãi từ thu nhập hoạt động đầu tư tài chính và thu nhập cổ tức nhận từ công ty con.

(ii) Giữa năm 2021 với năm 2020

Lãi sau thuế của Công ty trong năm 2021 là 1.726 tỷ đồng so với lỗ sau thuế là 1.323 tỷ đồng của năm 2020, chủ yếu do lãi từ thu nhập hoạt động đầu tư tài chính và thu nhập cổ tức nhận từ các công ty con, sau đó được cân trừ một phần với chi phí lãi vay tăng 977 tỷ liên quan đến việc phát hành trái phiếu trong giai đoạn nửa cuối năm 2020.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Ngày 27 tháng 1 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Huy Hùng
Kế toán trưởng



Đỗ Thị Quỳnh Trang
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



M.S.D.N: 0303576603-C.T.C.P
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
MASAN
QUẬN 1 - T.P.HỒ CHÍ MINH

Danny Le
Tổng Giám đốc



C.P. H.A.